TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 05-12-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định có kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B là đơn vụ án. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2023/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lộc Thị X, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B; địa chỉ trụ sở: Số 95 phố T, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đình Q (Theo Giấy ủy quyền số 1024/GUQ-PTI-PCKSNB ngày 01-12-2023. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10-11-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (chị Lộc Thị X) là bà Hoàng Thị T trình bày: Ngày 17-02-2022 chị Lộc Thị X mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Gói bảo hiểm mua thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị Lộc Thị X đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Việc chị X mua bảo hiểm đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 (gọi là: Giấy chứng nhận bảo hiểm). Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là chị Lộc Thị X.

- Thời hạn bảo hiểm là 12 tháng kể từ ngày 18-02-2022 đến ngày 18-02-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được chị Lộc Thị X đóng toàn bộ một lần vào ngày 17-02-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Chị Lộc Thị X đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 1 vào ngày 04-11-2021, mũi 2 vào ngày 10-12-2021 tại Trạm y tế xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 23-3-2022 thì chị X được xác định dương tính SATS-CoV-2 theo Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 23-3-2022 của Bệnh viện đa khoa Phương Bắc - Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa An Sinh. Ngày 22-3-2022, chị X được đưa vào điều trị tại "Cơ sở số 4 thu dung, điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang" để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 30-3-2022 chị X được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, chị Lộc Thị X đã làm thủ tục thông báo việc chị X bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của chị X đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B ngay trong tháng 3-2022. Ngoài việc khai báo online, chị X còn gửi

bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho chị Lộc Thị X là 12.000.000 đồng. Chị X không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của chị X đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là chị X đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 24 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của chị X không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm thì Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của chị X từ ngày 31-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 15-4-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 16-4-2022. Vì vậy Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 16-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của chị Lộc Thị X.

Hiện tại, chị Lộc Thị X yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Lộc Thị X là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 16-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Lộc Thị X.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B) trình bày: Ngày 17-02-2022 chị Lộc Thị X đã mua bảo hiểm thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị X được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Chị X đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-

02-2022 (gọi là Giấy chứng nhận bảo hiểm). Thời hạn bảo hiểm đối với chị X là 12 tháng, tính từ ngày 18-02-2022 đến ngày 18-02-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được chị X đóng toàn bộ vào ngày 17-02-2022.

Sau khi chị Lộc Thị X bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở 4 thu dung, điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, chị X đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Lộc Thị X, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của chị X từ ngày 31-3-2022. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B không yêu cầu chị X bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Chị Lộc Thị X mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "PTI VỮNG TÂM AN +". Tuy nhiên do chị X bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì chị X mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của chị X là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Ngày 10-5-2022 Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B đã thông báo đồng ý hỗ trợ số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng chị X không đồng ý.

Hiện tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B không chấp nhận yêu cầu của chị Lộc Thị X về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lộc Thị X.

1.1. Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả cho chị Lộc Thị X số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

1.2. Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả cho chị Lộc Thị X số tiền lãi chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 16-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 07-7-2023 là 2.940.000 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 07-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu khởi kiện của chị Lộc Thị X đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B do chậm trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/7/2023, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kháng cáo toàn bộ bản án, sẽ có văn bản trình bày chi tiết lý do kháng cáo nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B:

[2.1] Về tranh chấp bảo hiểm:

[2.1.1] Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 17-02-2022 chị Lộc Thị X mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định, là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B. Sau khi chị X đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là chị Lộc Thị X; Thời hạn bảo hiểm là 12 tháng kể từ ngày 18-02-2022 đến ngày 18-02-2023; Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được chị X đóng toàn bộ một lần vào ngày 17-02-2022; Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa chị X và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B đối với chị Lộc Thị X phát sinh từ ngày 18-02-2022 đến ngày 18-02-2023.

[2.1.2]. Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 23-3-2022 của Bệnh viện đa khoa Phương Bắc - Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa An Sinh thì chị Lộc Thị X bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, chị X đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 24 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 18-02-2022. Ngày 22-3-2022, chị Lộc Thị X đã được đưa vào Cơ sở số 4 thu dung, điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang; đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của chị Lộc Thị X.

[2.1.3]. Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc chị Lộc Thị X bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc chị X bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày

17-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Lộc Thị X theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

Do chị Lộc Thị X bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Lộc Thị X là 24.000.000 đồng.

Đối với quan điểm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B cho rằng chị Lộc Thị X mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó trường hợp của chị X là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì chị X thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *"bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng"*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *"người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tuỳ theo tình hình dịch tại từng địa phương"*. Trường hợp của chị X thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Quan điểm của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B cho rằng chị X mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[2.1.4]. Về nghĩa vụ chậm trả: Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000562/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B thì Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Lộc Thị X đã được phê duyệt ngày 31-3-2022, không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác và đã Thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ ngày 10-5-2022 cho chị X. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 15-4-2022. Do Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất

10%/năm, kể từ ngày 16-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của chị Lộc Thị X.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-7-2023) là: 14 tháng 21 ngày: Lãi chậm trả của 14 tháng là (24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng) x 14 tháng = 2.800.000 đồng. Lãi chậm trả của 21 ngày là (24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng)/30 ngày x 21 ngày = 140.000 đồng. Tổng là 2.940.000 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xác định quan hệ pháp luật, tư cách của những người tham gia tố tụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã áp dụng quy định của Bộ luật dân sự, Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, kháng cáo toàn bộ bản án và sẽ có văn bản trình bày chi tiết lý do kháng cáo và sẽ nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. HĐXX quyết định không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000248 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tuấn